

Số: /GPMT-KCNĐN Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban quản lý các Khu Công Nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-KCNĐN ngày 08/08/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án của Công ty TNHH Ecolab Việt Nam tại đường số 6, Khu công nghiệp Hồ Nai - giai đoạn 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (thuê Nhà xưởng E01, E02 của công ty cổ phần KCN Đồng Nai);*

*Căn cứ văn bản số 2724/KCNĐN-MT ngày 23/08/2024 của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Ecolab Việt Nam tại văn bản số 02/ECOLAB đề ngày 16/09/2024 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án tại đường số 6, Khu công nghiệp Hồ Nai - giai đoạn 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thuê Nhà xưởng E01, E02 của Công ty Cổ phần KCN Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Ecolab Việt Nam (sau đây gọi là chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất phối trộn sản phẩm hóa chất hữu cơ (chất tẩy rửa dùng trong công nghiệp và thực phẩm) quy mô 6.500 tấn sản phẩm/năm” tại đường số 6, Khu công nghiệp Hồ Nai - giai đoạn 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (thuê Nhà xưởng E01, E02 của Công ty Cổ phần KCN Đồng Nai) với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất phối trộn sản phẩm hóa chất hữu cơ (chất tẩy rửa dùng trong công nghiệp và thực phẩm) quy mô 6.500 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 6, Khu công nghiệp Hồ Nai - giai đoạn 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (thuê Nhà xưởng E01, E02 của công ty cổ phần KCN Đồng Nai).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 0311010882 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/07/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29/11/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh 0311010882-001 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/02/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 7613412737 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp, chứng nhận lần đầu ngày 17/3/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 15/7/2024.

1.4. Mã số thuế: 0311010882.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất phối trộn sản phẩm hóa chất hữu cơ và kinh doanh thương mại hoá chất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Thuê nhà xưởng và các công trình phụ trợ với diện tích 3.522 m<sup>2</sup> (gồm nhà xưởng 2.928 m<sup>2</sup> và nhà văn phòng 594 m<sup>2</sup>) của Công ty Cổ phần KCN Đồng Nai.

- Tiêu chí về môi trường: Dự án nhóm II.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Hóa chất hữu cơ, quy mô 6.500 tấn/năm.

- Quy trình sản xuất các dòng sản phẩm có Clo: Nguyên liệu có Clo → Hệ thống bơm nhập liệu → Bồn khuấy → Chiết rót → Kiểm tra → Thành phẩm.

- Quy trình sản xuất các dòng sản phẩm không có Clo: Nguyên liệu không có Clo → Hệ thống bơm nhập liệu → Bồn khuấy → Chiết rót, đóng gói → Kiểm tra → Thành phẩm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án**

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày                    tháng                    năm 2024 đến ngày                    tháng                    năm 2034).

**Điều 4.** Giấy phép môi trường số 116/GPMT-KCNĐN ngày 30/08/2023 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp cho dự án “Nhà máy Sản xuất phối trộn sản phẩm hóa chất hữu cơ (chất tẩy rửa dùng trong công nghiệp và thực phẩm) quy mô 6.500 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Ecolab Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 5.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hoà;
- Cty Cổ phần KCN Hồ Nai;
- Cty Cổ phần KCN Đồng Nai;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (NT).

**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Trí Phương**

## PHỤ LỤC 1

### YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNDN ngày / /2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải phát sinh từ dự án (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) sau xử lý được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty Cổ phần KCN Đồng Nai) để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Hồ Nai trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hồ Nai để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Chủ dự án đã ký thoả thuận ghi nhớ về việc giới hạn tiếp nhận nước thải số KCNDN/TTGN-ECOLAB/2023-008 ngày 23/06/2023 với Công ty cổ phần KCN Đồng Nai.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của đơn vị cho thuê nhà xưởng: Phải đạt giới hạn theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ dự án và đơn vị cho thuê nhà xưởng (theo Hợp đồng cho thuê công trình xây dựng số KCNDN/PLC/23-002 ngày 19/06/2023 và Thoả thuận ghi nhớ v/v giới hạn tiếp nhận nước thải tại KCN Hồ Nai giữa Công ty Cổ phần KCN Đồng Nai và Công ty TNHH Ecolab Việt Nam số KCNDN/TTGN-ECOLAB/2023-008 ngày 23/06/2023).

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ văn phòng, nhà xưởng xây sẵn số E01 và E02, sẽ được thu gom về 02 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 10 m<sup>3</sup>/bể, sau đó sẽ chảy vào 02 hố ga phía trước 02 nhà xưởng xây sẵn số E01 và E02, sau đó tiếp tục được thu gom bằng đường cống HDPE Ø200 chảy vào hệ thống xử lý thải tập trung 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của đơn vị cho thuê nhà xưởng.

- Nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình rửa thiết bị, từ hệ thống xử lý khí thải, từ phòng thử mẫu) được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải 15 m<sup>3</sup>/ngày của dự án để xử lý sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế: 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của đơn vị cho thuê nhà xưởng tại 01 hố ga phía trước nhà xưởng E01 (nhập chung với nước thải sinh hoạt).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

*Nước thải từ quá trình sản xuất → Bồn điều hoà → Bồn trung hoà pH → Bồn keo tụ → Bồn tạo bông → Bồn lắng hoá lý → Bồn trung gian → Cột lọc áp lực → Bồn sau lọc → Đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của đơn vị cho thuê nhà xưởng.*

- Công suất thiết kế: 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này):  $H_2SO_4$ , NaOH, PAC, Polymer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tại bể điều hòa với thể tích 10,19 m<sup>3</sup> để lưu chứa trong thời gian khắc phục sự cố. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, tạm ngưng dây chuyền sản xuất để khắc phục sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm

2.2. Công trình, xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 15m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải cục bộ theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Phần A của Phụ lục này, cụ thể các thông số ô nhiễm chính sau: pH, TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, Tổng N, Tổng Photpho, Phenol, sunfua, Clo dư, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Hồ Nai và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ dự án, Công ty Cổ phần KCN Đồng Nai (đơn vị cho thuê nhà xưởng) và Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN (Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty Cổ phần KCN Đồng Nai và KCN Hồ Nai để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày / /2024*  
*của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải, hơi hoá chất từ quá trình khuấy trộn (bồn khuấy bằng thép).
- Nguồn số 02: Khí thải, hơi hoá chất từ quá trình khuấy trộn (bồn khuấy bằng nhựa).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

2.1. Vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiều 3<sup>0</sup>)

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải số 01 sau hệ thống xử lý khí thải, hơi hoá chất quá trình khuấy trộn (bồn khuấy bằng thép); tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.209.610; Y = 411.456.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải số 02 sau hệ thống xử lý khí thải, hơi hoá chất quá trình khuấy trộn (bồn khuấy bằng nhựa); tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1.209.625; Y = 411.125.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.190 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 850 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 340 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K<sub>v</sub>=0,6, K<sub>p</sub>=1,0) và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01</b>			Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		
2	HNO <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
3	Cl <sub>2</sub>		10		
<b>II</b>	<b>Dòng khí thải số 02</b>				
4	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		
5	Hơi H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> (tính theo SO <sub>3</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	50		



**Ghi chú:**

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 0,6$  và  $K_p = 1,0$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án vẫn phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 0,6$  và  $K_p$  theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và QCVN 20:2009/BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

#### **1.1 Mạng lưới thu gom khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải, hơi hoá phát sinh từ quá trình khuấy trộn (bồn khuấy bằng thép) được thu gom bằng hệ thống đường ống có kích thước Ø100mm, Ø150mm (vật liệu bằng thép không rỉ) về hệ thống xử lý khí thải để xử lý sau đó thoát ra môi trường qua ống thải kích thước Ø150mm, dự kiến cao khoảng 6,5 m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 02: Khí thải, hơi hoá phát sinh từ quá trình khuấy trộn (bồn khuấy bằng nhựa) được thu gom bằng hệ thống đường ống có kích thước Ø100mm, Ø150mm (vật liệu bằng thép không rỉ) về hệ thống xử lý khí thải để xử lý sau đó thoát ra môi trường qua ống thải kích thước Ø150mm, dự kiến cao khoảng 6,5 m tính từ mặt đất.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải**

##### **1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải 1 (xử lý nguồn số 01)**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Khí thải* → *Chụp hút* → *Ống dẫn* → *Tháp hấp thụ (bằng nước)* → *Quạt hút* → *Ống thoát khí thải* → *Đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 850 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.

##### **1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải 2 (xử lý nguồn số 02)**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Khí thải* → *Chụp hút* → *Ống dẫn* → *Tháp hấp thụ (bằng nước)* → *Quạt hút* → *Ống thoát khí thải* → *Đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 340 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2 hệ thống xử lý khí thải của Công ty TNHH Ecolab Việt Nam đã được Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp Giấy phép môi trường số 116/GPMT-KCNĐN ngày 30 tháng 08 năm 2023 và Thông báo kết quả kiểm tra hoàn thành vận hành thử nghiệm số 1132/KCNĐN-MT ngày 10 tháng 5 năm 2024. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, chủ dự án không phải vận hành thử nghiệm lại các hạng mục công trình đã được cấp giấy phép môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày / /2024  
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: từ hoạt động khuấy trộn.
- Nguồn số 02: từ máy đóng gói.
- Nguồn số 03: từ hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 04: từ hệ thống xử lý khí thải 1.
- Nguồn số 05: từ hệ thống xử lý khí thải 2.

1.2. Nguồn phát sinh độ rung: không phát sinh.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiếu 3<sup>0</sup>)**

- Nguồn số 01: từ khu vực khuấy trộn; tọa độ: X = 1.209.512; Y = 433.458.
- Nguồn số 02: từ công đoạn đóng gói; tọa độ: X = 1.209.516; Y = 433.278.
- Nguồn số 03: từ hệ thống xử lý nước thải; tọa độ: X = 1.209.611; Y = 422.119.
- Nguồn số 04: từ hệ thống xử lý khí thải 1; tọa độ: X = 1.209.610; Y = 411.456.
- Nguồn số 05: từ hệ thống xử lý khí thải 2; tọa độ: X = 1.209.625; Y = 411.125.

**3. Tiếng ồn:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

S T T	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L <sub>aeq</sub> ) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

**4. Độ rung:** Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày / /2024  
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh dự kiến**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Các thiết bị linh kiện điện tử thải (bóng đèn led...)	Rắn	16 01 13	5	NH
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	700	KS
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	30	KS
4	Bao bì cứng bằng các vật liệu khác	Rắn	18 01 04	30	KS
5	Bao bì nhựa đựng hóa chất nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	100	KS
6	Pin ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	10	NH
7	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	600	KS
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>1.475</b>	

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy vụn phòng, thùng carton	15 01 01	150	TT-R
2	Can, thùng, phuy nhựa	18 01 07	500	TT-R
3	Bùn từ bể tự hoại	-	450	
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>1.100</b>	

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến

TT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	4,5
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>7,5</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích khu vực lưu chứa: 26 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích khu vực lưu chứa: 6 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít, 240 lít và 660 lít đặt tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực sản xuất.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại**

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất**

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**PHỤ LỤC 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày / /2024  
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Không.

**B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Phối hợp với đơn vị cho thuê nhà xưởng trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty



CP KCN Đồng Nai, Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai, UBND thành phố Biên Hoà, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan, Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành.

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

## **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**